

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PC1
PC1 GROUP
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số: 0946 / CBTT-PC1
No: 0946 / CBTT-PC1

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024
Hanoi, October 30 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: *The State Securities Commission*
Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1/ *PC1 GROUP JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: PC1

- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam/ *18 Ly Van Phuc, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam*

- Địa chỉ giao dịch/*Address*: Số 583 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam/ *583 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam*

- Điện thoại/*Tel.*: 024 3734 3060

- Fax: 024 3823 1997

- Email: cbtt@pc1group.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Công văn Số 0947 /CV-PC1-BTC ngày 30/10/2024 về việc giải trình báo cáo kết quả điều chỉnh hồi tố trên báo cáo tài chính hợp nhất và biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất và riêng quý 3 năm 2024/ *Official dispatch No. 0947 /CV-PC1-BTC dated October 30, 2024 on explaining the report on the results of retroactive adjustment on the consolidated financial statements and fluctuations in profit after tax on the consolidated and separate financial statements for the third quarter of 2024.*



3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/10/2024 tại đường dẫn: <https://www.pc1group.vn> /*This information was published on the company's website on 30/10/2024, as in the link <https://www.pc1group.vn>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được ủy quyền CBTT

Person authorised to disclose information



Hoàng Văn Sáng



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PC1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **0947**/CV-PC1-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

V/v: Giải trình báo cáo kết quả
điều chỉnh hồi tố trên BCTC HN và
biến động LNST BCTC Q3.2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC về việc “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” ngày 16 tháng 11 năm 2020;

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 báo cáo và giải trình một số nội dung như sau:

I. Báo cáo kết quả điều chỉnh hồi tố trên BCTC hợp nhất Quý 3/2024

Trên BCTC hợp nhất Quý 3/2024, Công ty đã điều chỉnh lại một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024, số liệu so sánh cùng kỳ 9 tháng đầu năm 2023 và Quý 3/2023 do Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy BCTC hợp nhất đã phát hành cho kỳ 9 tháng đầu năm 2023 và cho năm 2023 cần điều chỉnh về cách tính và hạch toán thuế và xác định doanh thu tại hai công ty con. Nội dung các điều chỉnh bao gồm:

- **Điều chỉnh về thuế giá trị gia tăng của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát (“Công ty Tấn Phát”)**

Theo quy định tại Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung Khoản 23, Điều 4, Thông tư 219/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013, sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên vật liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất trở lên là sản phẩm thuộc đối tượng không chịu thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”).

Công ty Tấn Phát bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh từ giữa năm 2023. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính kỳ 9 tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023, Công ty Tấn Phát đã tính toán tỷ lệ của trị giá tài nguyên khoáng sản cộng với chi phí năng lượng trên tổng giá thành sản phẩm xuất khẩu (“tỷ lệ CPTNNL”) với tử số (trị giá tài nguyên khoáng sản + chi phí năng lượng) không bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí, dẫn tới giá trị tỷ lệ tính ra nhỏ hơn 51%, và đánh giá sản phẩm Công ty bán xuất khẩu thuộc danh mục đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 0%. Vì vậy công ty con này đã ghi nhận các khoản thuế GTGT đầu vào trong khoản mục Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ với số tiền là 125.818 triệu VND và 148.418 triệu VND tương ứng tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tuy nhiên, trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng đầu năm 2024, PC1 đã xem xét, tính toán lại tỷ lệ CPTNNL thực tế của sản phẩm xuất

khẩu của kỳ 9 tháng đầu năm 2023 và năm 2023 trong đó tử số của tỷ lệ CPTNNL bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí. Việc xác định lại này làm thay đổi tỷ lệ CPTNNL thành lớn hơn 51%, dẫn tới sản phẩm Công ty bán xuất khẩu thuộc danh mục đối tượng không chịu thuế GTGT. Do vậy, PC1 đã quyết định điều chỉnh lại số liệu so sánh như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2024:

- Hàng tồn kho tăng 10.255 triệu VND;
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ giảm 148.418 triệu VND;
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng 128.446 triệu VND;
- Giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình tăng 8.137 triệu VND;
- Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước giảm 3.571 triệu VND;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước giảm 8.180 triệu VND; và
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm 6.103 triệu VND.

- ***Điều chỉnh về thuế tài nguyên của Công ty Tấn Phát***

Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 – sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên quy định: “*Trường hợp tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì giá tính thuế tài nguyên khai thác được xác định căn cứ vào trị giá hải quan của sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến xuất khẩu hoặc giá bán sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và các chi phí có liên quan từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu xuất khẩu hoặc từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu bán tại thị trường trong nước.*

Căn cứ giá tính thuế tài nguyên đã xác định để áp dụng sản lượng tính thuế đối với đơn vị tài nguyên tương ứng. Giá tính thuế đối với tài nguyên khai thác được xác định ở khâu nào thì sản lượng tính thuế tài nguyên áp dụng tại khâu đó.”

Tuy nhiên, Thông tư 152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về Thuế tài nguyên (“Thông tư 152”) quy định: “*Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì sản lượng tài nguyên tính thuế là sản lượng tài nguyên khai thác được xác định bằng cách quy đổi từ sản lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ để bán ra theo định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm”. Và giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra là “trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu (trường hợp xuất khẩu) không bao gồm thuế xuất khẩu tương ứng với sản lượng tài nguyên xuất khẩu ghi trên chứng từ xuất khẩu nhưng không thấp hơn giá tính thuế do UBND cấp tỉnh quy định.”*

Do có sự chưa nhất quán giữa các quy định hiện hành, Công ty Tấn Phát đã gửi văn bản xin hướng dẫn của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tuy nhiên chưa nhận được sự hướng dẫn cụ thể. Do đó Công ty Tấn Phát đã thực hiện tạm kê khai và nộp thuế tài nguyên cho kỳ 9 tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023 dựa trên giá



tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Cao Bằng công bố và sản lượng tài nguyên nguyên khai khai thác.

Khi rà soát lại nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp, PC1 đã xác định lại giá tính thuế tài nguyên theo trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu không bao gồm thuế xuất khẩu và chi phí vận chuyển (tức là dựa trên diễn giải của PC1 về quy định của Thông tư 152), và xác định sản lượng tài nguyên tính thuế tại khâu xác định giá tính thuế - khâu bán (tức là dựa trên diễn giải về quy định của Nghị định 12) để ghi nhận thêm 17.322 triệu VND và 42.027 triệu VND nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp tương ứng cho kỳ 9 tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023. Do đó, các số liệu so sánh đã được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2024:

- Hàng tồn kho tăng 3.534 triệu VND;
- Xây dựng cơ bản dở dang tăng 4.868 triệu VND;
- Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước tăng 35.303 triệu VND. Trong đó, thuế tài nguyên tăng 42.028 triệu VND và thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 6.725 triệu VND;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước giảm 15.406 triệu VND; và
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm 11.495 triệu VND.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất kỳ 9 tháng đầu năm 2023 và Quý 3/2023:

- Giá vốn hàng bán tăng 10.638 triệu VND;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành giảm 2.128 triệu VND;
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho Công ty mẹ giảm 4,874 triệu VND; và
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông không kiểm soát giảm 3.636 triệu VND

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kỳ 9 tháng đầu năm 2023:

- “Lợi nhuận trước thuế” giảm 10.638 triệu VND;
- “Tăng, giảm hàng tồn kho” giảm 6.685 triệu VND; và
- “Tăng, giảm các khoản phải trả” tăng 17.322 triệu VND

- ***Điều chỉnh doanh thu tạm tính của Công ty Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (“ADT”)***

Khi lập BCTC hợp nhất cho kỳ 9 tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh doanh thu tạm tính mà công ty con ADT ghi nhận theo giá bán thực tế cuối cùng cho hai lô hàng bán trong tháng 9 và tháng 12 năm 2023. Tại thời điểm lập BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2024, Công ty đã thực hiện tính lại và điều chỉnh phần doanh thu liên quan đến hai lô hàng này về đúng kỳ báo cáo 9 tháng đầu năm và cả năm 2023. Các số liệu so sánh đã được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2024:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 50.201 triệu VND;
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng 32.662 triệu VND;
- Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước giảm 1.261 triệu VND;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm 1.383 triệu VND; và
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước giảm 80.219 triệu VND.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất kỳ 9 tháng đầu năm 2023 và Quý 3/2023:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 57.842 triệu VND; và
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho Công ty mẹ giảm 57.842 triệu VND.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kỳ 9 tháng đầu năm 2023:

- “Lợi nhuận trước thuế” giảm 57.842 triệu VND; và
- “Tăng, giảm các khoản phải thu” tăng 57.842 triệu VND;

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Mã số	1/1/2024		
		Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.928.169.781.905	(50.200.798.000)	1.877.968.983.905
Hàng tồn kho	141	944.433.461.208	13.788.684.889	958.222.146.097
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	226.395.550.873	(148.418.025.140)	77.977.525.733
Tài sản cố định hữu hình	221	9.519.201.639.687	120.309.289.002	9.639.510.928.689
<i>Nguyên giá</i>	222	<i>12.419.829.155.708</i>	<i>128.446.101.420</i>	<i>12.548.275.257.128</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	<i>(2.900.627.516.021)</i>	<i>(8.136.812.418)</i>	<i>(2.908.764.328.439)</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	107.818.401.504	4.868.162.775	112.686.564.279
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	136.780.178.266	32.662.325.000	169.442.503.266
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	113.446.376.786	30.471.089.016	143.917.465.802
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	105.169.358	(1.383.033.084)	(1.277.863.726)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	956.798.821.659	(103.805.236.721)	852.993.584.938
<i>Lợi nhuận sau thuế năm nay</i>	<i>421b</i>	<i>137.082.323.571</i>	<i>(103.805.236.721)</i>	<i>33.277.086.850</i>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	2.086.717.131.154	(17.597.830.685)	2.069.119.300.469

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

9 tháng đầu năm 2023				
Mã số	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.197.779.681.915	(57.842.139.074)	5.139.937.542.841
Giá vốn hàng bán	10	4.073.271.472.252	10.637.814.758	4.083.909.287.010
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	224.316.508.301	(68.479.953.832)	155.836.554.469
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	69.947.258.495	(2.127.562.952)	67.819.695.543
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	159.167.850.523	(66.352.390.880)	92.815.459.643
Phân bổ cho:				
<i>Công ty mẹ</i>	61	65.695.375.160	(62.715.960.284)	2.979.414.876
<i>Cổ đông không kiểm soát</i>	62	93.472.475.363	(3.636.430.596)	89.836.044.767

Quý 3/2023				
Mã số	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.220.330.694.643	(57.842.139.074)	2.162.488.555.569
Giá vốn hàng bán	10	1.685.999.956.729	10.637.814.758	1.696.637.771.487
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	140.190.879.162	(68.479.953.832)	71.710.925.330
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	41.082.276.652	(2.127.562.952)	38.954.713.700
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	100.683.425.248	(66.352.390.880)	34.331.034.368
Phân bổ cho:				
<i>Công ty mẹ</i>	61	63.628.956.883	(62.715.960.284)	912.996.599
<i>Cổ đông không kiểm soát</i>	62	37.054.468.365	(3.636.430.596)	33.418.037.769

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

9 tháng đầu năm 2023				
Mã số	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND	
Lợi nhuận trước thuế	01	224.316.508.301	(68.479.953.832)	155.836.554.469
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.391.324.232.809	(68.479.953.832)	1.322.844.278.977
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	300.142.229.327	57.842.139.074	357.984.368.401
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	18.990.922.425	(6.684.544.071)	12.306.378.354
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(398.174.620.004)	17.322.358.829	(380.852.261.175)

II. Giải trình biến động LNST trên BCTC Riêng và Hợp nhất Quý 3/2024:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Quý 3/2024 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Q3/2024	Q3/2023	Chênh lệch	% tăng/(giảm)
LNST TNDN trên BCTC hợp nhất	258.693	34.331	224.362	654%

Các nguyên nhân chủ yếu của sự thay đổi là:

- Tỷ giá USD/VND tại cuối Quý 3/2024 giảm mạnh so với cuối Quý 2/2024, giúp giảm đáng kể lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản vay USD tại 3 công ty điện gió đã ghi nhận trong các kỳ trước;
- Lãi suất vay Quý 3/2024 thấp hơn so với cùng kỳ năm ngoái giúp giảm chi phí lãi vay cho Tập đoàn;
- Lĩnh vực mua bán điện: Tình hình thủy văn trong Quý 3/2024 thuận lợi giúp tăng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận gộp của Tập đoàn so với cùng kỳ năm trước; và
- Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh lại số liệu so sánh, ghi giảm Lợi nhuận sau thuế cùng kỳ năm ngoái như trình bày tại Mục I.

2. Báo cáo tài chính riêng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Quý 3/2024 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Q3/2024	Q3/2023	Chênh lệch	% tăng/(giảm)
LNST TNDN trên BCTC riêng	57.068	10.093	46.975	465%

Các nguyên nhân chủ yếu của sự thay đổi là:


- Thủy văn Quý 3/2024 thuận lợi giúp doanh thu, sản lượng các nhà máy thủy điện của Công ty tăng mạnh, gia tăng lợi nhuận gộp so với cùng kỳ năm 2023; và
- Lãi suất vay trong kỳ thấp hơn so với cùng kỳ giúp giảm chi phí lãi vay tương ứng.

Trên đây là báo cáo và giải trình của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1. Chúng tôi mong nhận được sự hỗ trợ và hợp tác của Quý Cơ quan.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- KTNB (P/h);
- Lưu VT, BTC.


TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
PC1
Vũ Anh Dương

C.P. ★